

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát xác định hộ nghèo,
hộ cận nghèo cuối năm 2025, áp dụng cho năm 2026
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 tiếp tục có hiệu lực áp dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025, áp dụng cho năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương

a) Số hộ nghèo

- Đầu năm 2025, số hộ nghèo là 2.900 hộ, chiếm tỷ lệ 0,256%.
- Cuối năm 2025 (áp dụng cho năm 2026) số hộ nghèo là 2.907 hộ, chiếm tỷ lệ 0,24%, trong đó:
 - + Khu vực nông thôn có 2.714 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,36%; khu vực thành thị có 193 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,04%.
 - + Hộ nghèo A là 631 hộ (có ít nhất một thành viên trong hộ còn khả năng lao động); hộ nghèo B là 2.276 hộ.
 - + Hộ có thành viên là người có công với cách mạng là 0 hộ; hộ nghèo dân tộc thiểu số là 527 hộ.

b) Số hộ cận nghèo

- Đầu năm 2025, số hộ cận nghèo là 1.923 hộ, chiếm tỷ lệ 0,16%.
- Cuối năm 2025 (áp dụng cho năm 2026) số hộ cận nghèo là 2.038 hộ, chiếm tỷ lệ 0,17%, trong đó:
 - + Khu vực nông thôn có 1.906 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,25%; khu vực thành thị có 132 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,03%.
 - + Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng là 0 hộ; hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 729 hộ.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai (không bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương)

a) Số hộ nghèo

- Đầu năm 2025, số hộ nghèo là 1.658 hộ, chiếm tỷ lệ 0,19%.
- Cuối năm 2025 (áp dụng cho năm 2026) số hộ nghèo là 1.315 hộ, chiếm tỷ lệ 0,11%, trong đó:
 - + Khu vực nông thôn có 1.023 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,13%; khu vực thành thị có 292 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,07%.
 - + Hộ nghèo A là 529 hộ (có ít nhất một thành viên trong hộ còn khả năng lao động); hộ nghèo B là 786 hộ.
 - + Hộ có thành viên là người có công với cách mạng là 0 hộ; hộ nghèo dân tộc thiểu số là 126 hộ.

b) Số hộ cận nghèo

- Đầu năm 2025, số hộ cận nghèo là 5.269 hộ, chiếm tỷ lệ 0,6%.
- Cuối năm 2025 (áp dụng cho năm 2026) số hộ cận nghèo là 4.904 hộ,

chiếm tỷ lệ 0,41%, trong đó:

+ Khu vực nông thôn là 4.528 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,6%; khu vực thành thị là 376 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 0,08%.

+ Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng là 0 hộ; hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 578 hộ.

(Kèm theo Phụ lục 1A, 1B; 2A, 2B; 3A, 3B; 4A, 4B; 5A, 5B; 6A, 6B; 7A, 7B; 8A, 8B; 9A, 9B; 10A, 10B; 11A, 11B)

Điều 2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo đầu năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương và tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh và các chính sách an sinh xã hội, các chính sách kinh tế - xã hội năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Văn phòng quốc gia giảm nghèo;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Thường trực UBND tỉnh;
 - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KGVX, KTN.
- (Thắng.QĐ15)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn